TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 1 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TIẾNG VIỆT – KHỐI 1
PHIẾU SỐ 42

Thời gian làm bài: 30 phút

I. ĐỌC – HIỂU

Giờ ra chơi

Trống trường vang lên rộn rã. Giờ ra chơi đã đến rồi. Chúng em ùa ra sân trường rợp bóng cây. Các bạn nữ chơi nhảy dây thật vui. Mấy bạn nam rủ nhau đá cầu dưới gốc phượng. Tiếng cười đùa vang khắp nơi.

Đọc bài «Giờ ra chơi» và khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. Bài đọc trên có mấy câu?

A. 5 câu **B.** 7 câu **C.** 6 câu

Câu 2. Giờ ra chơi, các bạn nữ chơi trò gì?

A. trốn tìm **B.** đá bóng **C.** nhảy dây

Câu 3. Các bạn nam đá cầu ở đâu?

A. ngoài cổng trường **B.** trong lớp học

C. dưới gốc phượng

Câu 4. Tìm và viết tiếng trong bài «Giờ ra chơi» có vần ung:

Tiếng có vần ung: …….

II. BÀI TẬP

Bài 1. Nối ô chữ bên trái với ô chữ bên phải để thành câu. Cách nối nào đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Mặt trời – đánh trống trường	
b) Cây bàng – xòe tán lá xanh mát	
c) Bác bảo vệ – tỏa ánh nắng ấm áp	
d) Đàn chim – hót líu lo trên cành	

Bài 2. Điền c hay k vào chỗ chấm:

a) …..ẹo ngọt

b) …..á vàng

c) …..ây bàng

d) …..ính mắt

Bài 3. Điền vần ong hay oc vào chỗ chấm (nhớ thêm dấu thanh):

a) con ……

b) h..… bài

c) tr..… veo

d) con s..…

Bài 4. Mỗi từ dưới đây có một tiếng viết sai chính tả. Em hãy viết lại từ cho đúng:

a) ká vàng → ……

b) ghà mái → ……

c) cẹo dẻo → ……

Bài 5. Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết lại: có / cây xanh. / nhiều / Trên sân trường

a) Viết lại câu: ……

Bài 6. Chọn từ trong ngoặc (múa, sủa, hót) điền vào chỗ chấm:

a) Bé Lan chăm chỉ tập ……

b) Chim sơn ca cất tiếng …… líu lo.

c) Chú chó mừng rỡ …… gâu gâu.

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Tiếng Việt lớp 1 · Phiếu số 42

I. Đọc – hiểu

Câu	1	2	3
Đáp án	C	C	C

Câu 4.
Trong bài chỉ có tiếng «chúng» mang vần ung.

II. Bài tập

Bài 1.
a) S; b) Đ; c) S; d) Đ

Bài 2.
a) kẹo ngọt; b) cá vàng; c) cây bàng; d) kính mắt.
Nhớ: viết k trước e, ê, i; viết c trước các chữ còn lại.

Bài 3.
a) con ong; b) học bài; c) trong veo; d) con sóc.

Bài 4.
a) «ká» sai, sửa thành «cá»: cá vàng; b) «ghà» sai, sửa thành «gà»: gà mái; c) «cẹo» sai, sửa thành «kẹo»: kẹo dẻo.

Bài 5.
Câu đúng: Trên sân trường có nhiều cây xanh.

Bài 6.
a) Bé Lan chăm chỉ tập múa. b) Chim sơn ca cất tiếng hót líu lo. c) Chú chó mừng rỡ sủa gâu gâu.